

Số: /QĐ-TĐC

Bình Dương, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-SKH&CN ngày 15/01/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Theo đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (theo Biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể công chức, người lao động thuộc Chi cục và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (để b/c);
- Ban LĐCC;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lý Thái Hùng

Biểu số 02 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
 Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
 Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày /01/2025
 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	12
1	Lệ phí	12
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	12
1	Lệ phí	12
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.688
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.688
1	Chi quản lý hành chính (417-340-341)	2.994
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.870
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	1.870
	Trong đó, nguồn cải cách tiền lương	467
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	54
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.124
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	1.046
	- Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	78
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	88
2	Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ (417-100-103)	1.694
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/ nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.694
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1.694
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	188
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

(Kèm Chi tiết nội dung kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên; Mua sắm, sửa chữa tài sản)

Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Chương: 417

CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ - KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày /01/2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	KTC-KTX	Chi tiết	
							Sửa chữa	Mua sắm
	TỔNG CỘNG				2.818	2.773	45	0
I	<u>HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</u>				1.694	1.694	0	0
1	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	417	100	103	1.694	1.694		
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên</i>				1.694	1.694		
a	Kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020)				1.151	1.151		
b	Kinh phí triển khai Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021)				543	543		
	<i>Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>				188	188		
II	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				1.124	1.079	45	0
1	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	417	340	341	1.124	1.079	45	0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên</i>				1.124	1.079	45	0
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				1.001	1.001	0	0
a	Tiền Tết (09 người)				18	18		
b	Đào tạo, hỗ trợ sau đại học				63	63		
c	Phụ cấp, trang phục CB thực hiện quy trình 1 cửa				29	29		
d	Phụ cấp điện thoại đường dây nóng				2	2		
đ	Hỗ trợ tiền ăn trưa theo NQ 20/2022/NQ-HĐND (09 người)				96	96		
e	Hỗ trợ cấp ủy viên Chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở cho Chi ủy viên Chi bộ 3 theo NQ 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 (0,25 x 2.340.000 đ x 12 tháng x 01 người)				8	8		

g	Duy trì hệ thống quản lý chất lượng Iso (duy trì, cải tiến thường xuyên Hệ thống quản lý chất lượng)					5	5		
h	Hoạt động thu lệ phí					3	3		
i	Kiểm định phương tiện kiểm tra					7	7		
k	Kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam 20/1; Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14/10					16	16		
l	Kinh phí phục vụ công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính					5	5		
m	Kiểm tra nhà nước về đo lường; chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường; chất lượng sản phẩm nhóm 2 (MBH; điện-điện tử; thép; đồ chơi trẻ em,...); chất lượng hàng hóa vàng trang sức mỹ nghệ; ISO hành chính công					148	148		
n	Khảo sát đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu (bao gồm phí thử nghiệm); chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh BD					166	166		
o	Phối hợp Thanh tra Sở KHCN, BCD 389 và các đơn vị chức năng thanh, kiểm tra đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh					5	5		
p	Kinh phí cho chuyên gia hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng Quốc gia; Kinh phí tham dự lễ trao giải thưởng chất lượng Quốc gia; Đào tạo chuyên gia đánh giá giải thưởng chất lượng quốc gia (đối tượng là thành viên Hội đồng sơ tuyển)					67	67		
q	Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)					8	8		
r	Kinh phí triển khai Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (QĐ số 100/QĐ-TTg)					45	45		
s	Tham dự họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)					3	3		
t	Tổ chức hội nghị, tập huấn và phổ biến văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, TBT...					70	70		
u	Khóa đào tạo Hướng dẫn viết Báo cáo tham dự Giải thưởng chất lượng Quốc gia (Đối tượng: DN dự kiến tham gia Giải thưởng)					25	25		
v	Khóa Đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường cho cán bộ, công chức của cấp huyện và xã					80	80		

x	Tham dự các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo; Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn				132	132		
1.2	Quỹ khen thưởng				78	78		
1.3	Kinh phí mua sắm, sửa chữa				45		45	-
a	Sửa chữa Thiết bị cầm tay đo nhanh chỉ số Octane và Cetance trong xăng dầu				45		45	
	<i>Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>				88	83	5	

Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Chương: 417

CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
MUA SẴM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày /01/2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025		
					Cộng	SC	MS
					1	2	3
A	B	C	D	E	1	2	3
	TỔNG CỘNG				45	45	-
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	417	340	341	45	45	-
1	Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				45	45	-
	- Sửa chữa Thiết bị cầm tay đo nhanh chỉ số Octane và Cetance trong xăng dầu				45	45	
	<i>Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>						